

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 10/2025
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 07/10/2025

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	30	30	-	12,050
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	37,730
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	20	20	-	29,780
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	-	39,230
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	30	-	12,860
6	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	50,850
7	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	101,550
8	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	40	40	-	62,930
9	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	39,600
10	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	61,500
11	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	32,100
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	227,400
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	40	50	(10)	69,750
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	33,200
15	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	30	30	-	16,500
16	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	81,530
17	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	40	40	-	55,350
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	63,920
19	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	20	20	-	10,400
20	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
21	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	30	30	-	27,000
22	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	33,800
23	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	76,350
24	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	40	10	59,250
25	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	41,400
26	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	20	20	-	23,550
27	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	40	-	49,130
28	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	30	30	-	120,450
29	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	73,950
30	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	114,020
31	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	45,090
32	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	40,800
33	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	-	17,250
34	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
35	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	54,900
36	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	144,000
37	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	40	40	-	62,630
38	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	-	78,600
39	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	54,830
40	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	140,250
41	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	-	49,450
42	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	27,450
43	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	25,000
44	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	-	63,790
45	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	26,750
46	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	40	10	58,200
47	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	30	-	24,980
48	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	67,200
49	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	40	40	-	109,200
50	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	-	33,900
51	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
52	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
53	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
54	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	20	30	(10)	11,850
55	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	56,100
56	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	145,570
57	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	160,000
58	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	45,250
59	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	92,700
60	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	50	50	-	80,000
61	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	50	50	-	23,780
62	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
63	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	-	79,950
64	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	-	17,030
65	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	42,450
66	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	80,250
67	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	-	18,680
68	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	40	40	-	37,450
69	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	43,500
70	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	30	40	(10)	41,260
71	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	48,300
72	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	100	30	30	-	80,950
73	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	30	30	-	22,430
74	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	60	30	30	-	10,000
75	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	35,050

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
76	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	10	10	-	5,610
77	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	28,430
78	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	10	20	(10)	16,350
79	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	16,000
80	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	60,750
81	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	20	20	-	12,290
82	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	20	30	(10)	20,100
83	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	73,350
84	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	55,350
85	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	75,750
86	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	44,550
87	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	30	30	-	18,830
88	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	30,980
89	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	18,230
90	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	10	10	-	7,350
91	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	52,130
92	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	51,030
93	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	39,230
94	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	52,050
95	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	19,650
96	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	80,000
97	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	114,750
98	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	22,500
99	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	40	40	-	49,880
100	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	100	30	30	-	31,800
101	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	157,200
102	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	127,350
103	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	27,380
104	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	40	40	-	60,380
105	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	75,900
106	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	34,130
107	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	20	40	(20)	27,830
108	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	96,600
109	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	18,980
110	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	40	40	-	32,260
111	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	40	40	-	49,950
112	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	100	50	50	-	38,550
113	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
114	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	44,490
115	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	20,550

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
116	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	37,200
117	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	60,710
118	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	30	-	8,580
119	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	84,900
120	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	30	30	-	43,050
121	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	-	45,910
122	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	131,850
123	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	19,370
124	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	40	40	-	43,500
125	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	40	40	-	15,620
126	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	28,680
127	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	8,870
128	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	105,000
129	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	50,700
130	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	27,230
131	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	101,100
132	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	14,850
133	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	68,550
134	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	-	7,000
135	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	43,500
136	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	30	-	35,930
137	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	20	20	-	14,250
138	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	89,100
139	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	15,680
140	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
141	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	36,300
142	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	86,400
143	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	50,000
144	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	288,600
145	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	40	50	(10)	53,970
146	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
147	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	58,950
148	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	82,200
149	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	50	50	-	29,460
150	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	40	40	-	51,600
151	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	65,100
152	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	56,250
153	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	40	-	31,650
154	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	-	45,300

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
155	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	50	50	-	65,910
156	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	-	29,250
157	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	80,700
158	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	100	40	40	-	42,000
159	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	40	40	-	30,900
160	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	28,500
161	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
162	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	100,800
163	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	-	103,350
164	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	20	20	-	54,150
165	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	27,370
166	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
167	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	93,000
168	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	-	33,820
169	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	62,250
170	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	74,700
171	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	20	40	(20)	32,180
172	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	87,750
173	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	40	40	-	43,950
174	VHC	Công ty Cổ phần Vinh Hoàn	100	50	50	-	90,600
175	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	149,250
176	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	29,630
177	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	40,000
178	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	50	50	-	20,330
179	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
180	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	50	50	-	79,280
181	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	33,230
182	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	92,100
183	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	44,250
184	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	-	40,000
185	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	43,200
186	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	30	10	30,990
187	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	-	100,000
188	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
189	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
190	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
191	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
192	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
193	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
194	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
195	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
196	ADS	Công ty cổ phần Damsan	50	0			0
197	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
198	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
199	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
200	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
201	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
202	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
203	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
204	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
205	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
206	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
207	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0	0			0
208	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
209	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
210	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
211	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
212	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
213	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
214	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
215	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
216	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
217	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
218	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
219	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
220	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
221	CAN	CTCP Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
222	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
223	CAR	CTCP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	0	0			0
224	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	0	0			0
225	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
226	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
227	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
228	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
229	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0
230	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	50	0			0
231	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
232	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
233	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
234	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
235	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
236	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
237	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
238	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
239	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
240	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
241	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
242	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	50	0			0
243	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
244	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
245	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
246	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
247	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
248	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
249	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
250	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
251	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
252	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	50	0			0
253	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
254	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
255	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
256	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	0			0
257	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
258	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
259	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
260	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
261	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
262	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
263	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
264	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
265	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
266	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
267	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	50	0			0
268	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
269	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
270	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
271	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
272	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
273	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
274	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
275	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
276	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
277	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
278	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
279	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
280	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
281	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	50	0			0
282	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
283	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
284	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
285	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
286	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
287	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
288	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
289	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
290	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
291	HAD	Công ty Cổ phần Bìa Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
292	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
293	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bìa Hà Nội	0	0			0
294	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
295	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
296	HDA	CTCP Hăng sơn Đồng Á	0	0			0
297	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
298	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
299	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
300	HID	Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam	0	0			0
301	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
302	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
303	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
304	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
305	HLĐ	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0
306	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
307	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
308	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	0	0			0
309	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
310	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
311	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
312	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	0	0			0
313	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
314	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
315	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	50	0			0
316	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
317	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
318	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
319	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
320	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
321	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
322	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
323	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
324	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
325	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
326	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
327	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
328	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
329	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	0	0			0
330	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
331	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
332	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	50	0			0
333	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
334	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
335	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
336	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
337	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
338	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
339	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
340	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
341	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
342	L14	Công ty CP LICOGI 14	50	0			0
343	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
344	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	50	0			0
345	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
346	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
347	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0
348	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
349	LCD	ctcp Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	0	0			0
350	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
351	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
352	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	50	0			0
353	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
354	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
355	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
356	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
357	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
358	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
359	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0
360	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
361	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
362	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
363	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
364	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
365	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
366	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
367	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
368	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
369	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
370	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
371	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
372	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
373	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	50	0			0
374	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
375	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
376	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
377	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
378	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
379	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
380	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
381	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
382	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
383	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
384	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
385	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
386	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
387	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
388	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
389	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
390	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
391	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
392	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
393	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
394	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
395	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
396	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
397	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
398	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
399	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
400	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
401	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
402	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
403	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
404	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
405	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
406	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
407	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
408	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
409	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
410	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
411	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
412	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
413	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
414	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
415	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50	0			0
416	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
417	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
418	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	0			0
419	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
420	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
421	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
422	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
423	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
424	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
425	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
426	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
427	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
428	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
429	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
430	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
431	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	50	0			0
432	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
433	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
434	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
435	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
436	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
437	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
438	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
439	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
440	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
441	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
442	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
443	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
444	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
445	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
446	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
447	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
448	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
449	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
450	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
451	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
452	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
453	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
454	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
455	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
456	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
457	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
458	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	50	0			0
459	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	50	0			0
460	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
461	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
462	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
463	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
464	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
465	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
466	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
467	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
468	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ	0	0			0
469	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
470	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
471	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
472	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
473	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
474	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
475	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
476	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	0	0			0
477	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	50	0			0
478	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
479	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
480	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
481	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	0	0			0
482	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
483	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
484	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
485	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
486	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	50	0			0
487	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
488	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
489	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
490	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
491	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
492	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
493	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
494	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0
495	TLĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
496	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
497	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
498	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
499	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
500	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
501	TN1	Cô phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
502	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
503	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
504	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
505	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
506	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
507	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
508	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
509	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	50	0			0
510	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	50	0			0
511	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
512	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
513	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
514	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
515	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
516	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
517	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
518	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
519	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
520	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
521	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
522	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
523	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
524	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
525	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
526	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
527	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
528	VGP	CTCP Càng rau quả	0	0			0
529	VHE	Cô phiêu Công ty cô phân Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
530	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
531	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
532	VIT	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN	0	0			0
533	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
534	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
535	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
536	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
537	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
538	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
539	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
540	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
541	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
542	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Thay đổi	
543	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
544	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
545	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
546	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
547	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
548	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
549	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
550	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
551	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
552	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0
553	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
554	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0